

## VÀI NÉT VỀ BẢN HƯƠNG ƯỚC CỦA NGƯỜI DAO Ở TỈNH BẮC KẠN NĂM 1932<sup>1</sup>

PGS.TS. Đàm Thị Uyên  
TS. Đỗ Hằng Nga  
Đại học Thái Nguyên

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này dựa trên bản hương ước của người Dao ở tỉnh Bắc Kạn năm 1932, nội dung bài viết thể hiện cách nhìn của các tác giả về văn bản hương ước đó. Để có sự đối sánh, các tác giả còn tiếp cận một số hương ước của người Tày, người Nùng và hương ước của vùng trung du cùng thời điểm xuất hiện. Các dẫn liệu hương ước cho thấy, bản hương ước của người Dao vừa thể hiện được những nét truyền thống, đặc trưng của đời sống xã hội người Dao ở Bắc Kạn, vừa phản ánh quá trình nắm lấy các cộng đồng cơ sở, can thiệp vào dân tộc khu vực miền núi của chính quyền thực dân trước năm 1945.

**Từ khoá:** Hương ước, người Dao, Bắc Kạn, nửa đầu thế kỷ XX.

Ngày nhận bài: 5/5/2018; ngày gửi phản biện: 6/5/2018; ngày duyệt đăng: 13/8/2018

### Mở đầu

Hương ước là những quy ước, điều lệ của cộng đồng chung sống trong một khu vực. Hương ước làng xã đồng bằng Bắc Bộ đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, hương ước, tục lệ thành văn của các tộc người thiểu số ở khu vực miền núi cho đến nay vẫn còn ít được tìm hiểu, trong đó có hương ước của dân tộc Dao ở tỉnh Bắc Kạn. Bắc Kạn là địa bàn vùng núi có 7 tộc người chính cùng sinh sống, gồm: Tày, Nùng, Sán Chay, Kinh, Hoa, Hmông, Dao. Trong quá trình tồn tại và phát triển, một số tộc người ở Bắc Kạn đã xây dựng bản quy ước của cộng đồng mình. Qua khảo sát cho thấy, năm 1932 xuất hiện hai bản hương ước gắn với địa bàn tỉnh Bắc Kạn: hương ước của “người Mán” và hương ước của “người Thổ, người Nùng”. Bài viết này giới thiệu và khảo cứu văn bản hương ước của “người Mán”, tức người Dao (trong các phần viết sau, tác giả thống nhất gọi là người Dao - tộc người có số dân đông, “đứng vào hàng thứ hai sau người Tày” ở Bắc Kạn (Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bắc Kạn, 2003, tr. 222).

<sup>1</sup> Nghiên cứu này là sản phẩm của Đề tài KHCN cấp Bộ, mã số B2017-TNA-53.

## 1. Về văn bản hương ước

Về tên gọi, hương ước ở Việt Nam có nhiều cách gọi tên khác nhau như hương ước, tục lệ, hương tục, hương đoàn, khoán ước, hương lệ,... (Lê Đức Tiết, 1998, tr. 44). Ngay trong thời kỳ cải lương hương chính đầu thế kỷ XX, các địa phương vẫn không thống nhất về tên gọi loại hình văn bản này. Riêng bản quy ước của cộng đồng người Dao ở Bắc Kạn năm 1932 được viết bằng tiếng Pháp, có tên là “Coutumier a l’usage des Mans”, như thế cũng có thể hiểu là bản ghi chép phong tục hay “Hương ước của người Mán” (theo cách gọi của bản sao năm 1942).

Văn bản hương ước không cho biết thời điểm soạn thảo, song lại quy định rõ thời gian thi hành. Điều 56, cũng là điều cuối cùng trong hương ước đã chỉ rõ: “Hương ước này quan Chánh Công sứ duyệt y, rồi sẽ phải thi hành bắt đầu từ ngày mồng Một tháng Một năm 1932. Động trưởng sẽ cho yết thị và rao mỗ để ai nấy được biết”. Điều này đồng nghĩa với việc hương ước phải được soạn thảo trước năm 1932. Bản sao lại ghi “Pour copie conforme, Bac Kan le 18 Août 1942”. Văn bản sao lại nguyên trạng, không có nội dung điều chỉnh hay bổ sung. Như thế có nghĩa đây là một văn bản hương ước cải lương, nếu “tạm gọi những hương ước có từ năm 1921 đến trước năm 1945 là hương ước cải lương hương chính” (Cao Văn Biên, 1998, tr. 73).

Nói về chủ thể của hương ước, trong lịch sử, đặc biệt là ở khu vực trung du và đồng bằng, các điều quy ước của một cộng đồng người thường xảy ra ở hai khu vực: hoặc là hương ước của một đơn vị hành chính (giáp, thôn, phường, xã, trại, vạn, tổng), hoặc là hương ước của một tổ chức sinh hoạt có tính chất chuyên ngành (phường nghề, làng nghề, hội tư văn). Bản hương ước mà chúng tôi khảo cứu không hoàn toàn là loại nào trong hai loại nói trên. Cộng đồng chủ thể của bản hương ước đó được giới hạn bởi hai tiêu chí: văn bản tập hợp các điều quy ước của một đơn vị hành chính - dân cư (tỉnh Bắc Kạn) và văn bản tập hợp các điều quy ước của một cộng đồng tộc người (người Dao). So với một bản hương ước thông thường, quy mô tác động của bản hương ước này vừa rộng (quy mô cấp tỉnh, lớn hơn quy mô làng xã rất nhiều), vừa hẹp (chỉ điều chỉnh các mối quan hệ chính trị - kinh tế - xã hội trong cộng đồng người Dao, khác biệt với bản hương ước thông thường không bị giới hạn bởi tiêu chí tộc người). Cũng vì quy mô này, nên hương ước của người Dao ở Bắc Kạn có phần xác nhận cuối văn bản khá đơn giản, chỉ có một chữ ký và dấu. Trong khi, các bản hương ước theo đơn vị làng xã có xác nhận của rất nhiều chức dịch. Bản hương ước xã Diệm Dương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có 6 xác nhận (Tiên chỉ, Thứ chỉ, Lý trưởng, Chương bạ, Hộ lại, Tri phủ). Bản hương ước làng Bắc Nga, phủ Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có 8 xác nhận (Cựu Chánh tổng, Chánh tổng, Lý trưởng, Chương bạ, Thủ bạ, Xã đoàn, Tri phủ, Dân đình).

Không giống như phần lớn các bản hương ước làng xã trước năm 1945, hương ước của người Dao (Bắc Kạn) không có lời nói đầu ghi nhận truyền thống văn hóa của đơn vị có

hương ước và mục đích của việc xây dựng hương ước. Ngay từ trang đầu tiên đã là các điều khoản cụ thể, tổng số 56 điều khoản chia ra thành 19 chương.

Khảo cứu cách thức xác lập nội dung văn bản thấy rằng, những điều khoản của hương ước xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng. Ví dụ: việc cai trị, việc án, việc tổ chức tuần phòng thuộc về Động trưởng và Thôn trưởng, gọi chung là “những người chức sự trong dân” (Điều 1, 2, 5, 21); việc tham gia ứng cứu khi có hỏa tai, thủy tai, đạo tặc... thuộc về những người nam giới từ 18 đến 50 tuổi (Điều 9); việc phu dịch thuộc về những người từ 16 tuổi trở lên (Điều 22); việc quản lý hộ tịch thuộc về Chánh Mán Mục, Chánh Quản Chiêu (Điều 28, 28);...

Các biện pháp thưởng, phạt được quy định ngay tại những điều khoản cụ thể, chứ không đặt thành điều khoản thưởng, phạt riêng. Đối với những người chứa chấp tội nhân, người gây rối trị an; kẻ thấy hỏa tai, thủy tai, đạo tặc, người gặp hoạn nạn mà không chịu ứng cứu; kẻ trộm cắp; phá hoại cây cối ở gần các công trình tôn giáo tín ngưỡng; con gái hoang thai; người không tuân luật lệ về vệ sinh chung... thì cộng đồng đều có biện pháp trừng phạt (các Điều 6, 10, 18, 26, 41, 45, 48, 49). Cùng với trừng phạt là việc tri ân, báo đáp, khen thưởng những người có đóng góp cho cộng đồng như tham gia ứng cứu khi cộng đồng có thủy hỏa, đạo tặc mà không may bị thương hoặc bị chết (Điều 11); người thi đỗ bằng sơ học (Điều 55);...

Cấu trúc của bản hương ước cụ thể như sau: Việc cai trị trong động (4 điều), Việc tuần phòng (2 điều), Cấp cứu (6 điều), Việc sưu thuế (5 điều), Việc chi thu trong động (3 điều), Việc án (1 điều), Phu dịch (1 điều), Công sản (2 điều), Hoa màu cây cối (2 điều), Tế lễ (1 điều), Việc hộ tịch (2 điều), Hôn tục (11 điều), Hoang thai (1 điều), Tang lễ (4 điều), Thừa kế thừa tự (1 điều), Khao vọng (1 điều), Vệ sinh chung (6 điều), Việc học (2 điều) và Điều lệ thi hành (1 điều). Với cấu trúc này, nội dung hương ước phản ánh khá đầy đủ các mặt khác nhau của đời sống xã hội trong cộng đồng người Dao, từ các hoạt động văn hóa tâm linh đến sinh hoạt hàng ngày.

## **2. Một số nội dung nổi bật của hương ước**

### **2.1. Phong tục của người Dao được duy trì qua hương ước**

Nội dung hương ước tôn trọng, bảo lưu một số phong tục truyền thống lâu đời của người Dao. Những giá trị nhân văn tộc người được trải ra nhiều điều khoản, nhưng đậm nét nhất là những quy định về hôn nhân và tang ma. Ví dụ về hôn nhân, ngoài những tục lệ phổ biến ở nhiều tộc người như “phải mượn người làm môi”, “lễ vật nhà trai dẫn cho nhà gái” (Điều 30), có một số tập tục đặc trưng của người Dao được quy định cụ thể trong hương ước, chẳng hạn như sau:

“Tục Mán Tiên, trước khi cưới, người con trai phải đến nhà bố mẹ vợ làm công 3 lần: lần thứ nhất 5 ngày, lần thứ nhì 10 ngày, lần cuối cùng 15 ngày. Hai lần sau nếu người con trai không muốn đi làm công thời phải đưa cho nhà gái 5 đồng bạc để chuộc. Về sau nếu

người con gái chê không chịu lấy, thì phải đền cho người con trai 10 đồng. Nếu không thì không được lấy người khác” (Điều 32, 33).

“Tục Mán có khi cha mẹ đi hỏi chồng cho con gái. Khi ấy thì nhà gái phải biếu lễ vật cho nhà trai như cưới con trai vậy” (Điều 37). “Tục Mán không phải làm hôn thú và nộp cheo. Vợ góa khi đoạn tang chồng, muốn đi lấy chồng khác phải xin phép bố mẹ chồng, nếu bố mẹ chồng quá cố rồi thì phải xin phép người thay quyền cha mẹ chồng. Nếu bên nhà chồng không còn ai thì được miễn phép” (Điều 39).

Những nét văn hóa đặc trưng này đến nay vẫn còn duy trì trong đời sống của người Dao ở Bắc Kạn nhưng đã có sự giản lược ít nhiều, chẳng hạn như với tục “làm công” thì chàng rể tương lai chỉ cần đến trình diện nhà gái dưới hình thức lao động trong thời gian 3 ngày (Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bắc Kạn, 2003, tr. 248), bằng 1/10 thời gian “làm công” quy định trong hương ước trước năm 1945.

## **2.2. Hương ước xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng**

Những điều đầu tiên trong hương ước đã thể hiện sự tôn trọng với văn hóa và mục tiêu xây dựng văn hóa, khuyến khích lối sống hướng thiện trong cộng đồng. Điều 4 của hương ước quy định: “Dân trong động phải lấy lương thiện làm kỷ cương và cần bảo tồn lấy những mỹ tục của nòi giống. Những kẻ gian phi, những người quấy rối trật tự phải lánh xa, mà nhất là không được chứa chấp họ”.

Để tạo lập và duy trì tinh thần đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng, hương ước quy định cụ thể, chi tiết về việc ứng cứu khi có hỏa tai, thủy tai, đạo tặc hay người gặp hoạn nạn. “Khi trong động có xảy ra việc thủy hỏa đạo tặc, Động trưởng và Thôn trưởng phải lập tức nổi hiệu động, chỉ trừ khi nạn nhân đã nổi hiệu rồi thì thôi. Động trưởng và Thôn trưởng mỗi người phải có ở trong nhà một cái mõ để lập hiệu động. Hiệu động định như sau: khi có giặc cướp: mõ liên thanh trong độ 3 phút; khi có hỏa tai: đánh 3 hồi liên nhau rồi cách chừng 15 giây lại đánh 3 hồi khác; khi có trộm trâu, trộm bò, trộm ngựa: đánh 1 hồi rồi cách 15 giây lại đánh hồi khác. Thôn nào nghe thấy hiệu động, lập tức phải tiếp hiệu mõ báo thôn lân cận cho đến khi thôn ấy nổi hiệu trả lời mới được thôi. Nếu thôn láng giềng ở xa không tiếp được hiệu, thì phải mang mõ đến gần mà đánh cho thôn ấy nghe thấy. Hiệu lệnh định trên này chung cho các động trong tỉnh, khi thấy động khác nổi hiệu động, thì cũng phải tiếp hiệu báo các động lân cận đến cấp cứu. Khi thấy mõ động, thì ai nấy phải lắng tai nghe xem hiệu động về việc gì, rồi Thôn trưởng lập tức nhất diện cho mõ báo thôn lân cận, nhất diện mang người và đồ đạc khí giới đến nơi cứu ứng. Trừ những người già yếu, còn đàn ông từ 18 đến 50 tuổi đều phải đến cứu ứng cả. Khi có xảy ra cháy rừng cũng vậy” (Điều 7, 8, 9).

Với những quy định này, mỗi người sẽ có trách nhiệm tham gia đầy đủ các công việc chung với ý thức tự giác, chủ động cao, đồng thời cũng đòi hỏi những thành viên khác trong cộng đồng phải thực hiện như thế. Ai làm trái quy định về việc ứng cứu sẽ bị xử phạt, nặng

nhẹ tùy lỗi. "... Khi có hỏa tai hay thủy tai: phải bồi cho nạn nhân hai đồng bạc và hai mươi cân gạo. Nếu có việc đạo tặc, Động trưởng phải trình quan người bỏ việc để đưa ra tòa nghị xử" (Điều 10). Từ đây, hương ước góp phần xây dựng và phát huy tinh làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng người Dao ở Bắc Kạn.

### **2.3. Hương ước quy định bảo vệ môi sinh, môi trường**

Trong bản hương ước của người Dao ở Bắc Kạn, việc bảo vệ môi sinh, môi trường đã được cụ thể hóa bằng các điều khoản buộc mọi người phải chấp hành. Thông qua những quy ước chung, cộng đồng người Dao hướng đến việc bảo vệ rừng và tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường sống và bài trừ dịch bệnh.

Với mục đích bảo vệ sinh thái tự nhiên và tài nguyên rừng, hương ước quy định: "Dân Mán không có ruộng thấp, nên phần nhiều cày cấy ở trên núi. Nếu không đủ đất làm ăn thời dân Mán được làm rẫy. Nhưng nhất luật phải xin phép quan Chánh công sứ và không được phá các rừng cấm" (Điều 23). "Cấm không ai được phá hoại cây cối ở gần các đình, chùa, miếu, mộ. Không tuân lệnh phải phạt 5 đồng" (Điều 26).

Với mục đích bảo vệ môi trường sống, hương ước khuyên răn: "Trong dân ai cũng phải lấy vệ sinh chung làm trọng. Nhà cửa phải giữ gìn cho sạch sẽ. Cấm không được đổ rác ở gần sông, gần giếng nước ăn. Trái lệnh phải phạt từ 2 hào đến 1 đồng. Tái phạm sẽ giải lên quan trừng trị" (Điều 48). "... phải trừng trị nếu không tuân luật lệ về vệ sinh chung ở Bắc Kỳ" (Điều 45).

Với mục đích ngăn trừ dịch bệnh lây lan, nội dung hương ước đề cập đến cách thức xử lý với ba loại bệnh: bệnh truyền nhiễm, bệnh điên và bệnh phong. "Khi có ai mắc phải bệnh truyền nhiễm thời thân nhân hay không có thân nhân thời người láng giềng phải lập tức báo Động trưởng. Ai biết không báo, hay ần nặc đi luật pháp sẽ trừng trị. Người chức sự phải báo quan ngay. Nếu quan thầy thuốc chưa kịp tới mà bệnh nhân đã chết rồi thời Động trưởng phải trông nom việc mai táng cho cẩn thận và phải bắt gia chủ tẩy rửa những đồ dùng của người ốm để ngăn sự truyền nhiễm" (Điều 49, 50).

Có thể nói, hương ước bảo vệ môi sinh, môi trường bằng những quy định rất cụ thể, gắn với các mặt đời sống cộng đồng. Những quy định chi tiết về nội dung chấp hành và hành vi bị xử phạt đó góp phần nâng cao ý thức về môi trường và bảo vệ môi trường cho các cư dân trong cộng đồng.

### **2.4. Hương ước quy định việc bảo vệ trị an trong làng bản**

Bản hương ước còn đề ra các biện pháp cụ thể bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn. Việc quy định các điều khoản đảm bảo trị an vừa đáp ứng nhu cầu và truyền thống của cộng đồng cơ sở trong việc giữ gìn làng bản, vừa đáp ứng nhu cầu kiểm soát của chính quyền. Qua

huong ước cho thấy, có hai hình thức cơ bản để cộng đồng cơ sở của người Dao giữ gìn trật tự trị an: quản lý hộ tịch và tổ chức tuần phòng.

Về quản lý hộ tịch, hương ước kiểm soát khá chặt chẽ người cư trú trong địa bàn thông qua việc nắm hộ tịch, nắm sự di cư, khách thăm viếng. Trách nhiệm quản lý hộ tịch được phân công cho các chức sự. “Chánh Quản Chiêu giữ sổ hộ tịch cho toàn dân Mán trong châu” (Điều 28). “Khi có người lạ đến hạt, Động trưởng và Thôn trưởng phải cho coi giữ và dò xét xem họ có dị ý gì không. Khi có người lạ đến nhà ai, bất luận là người giống gì phải báo ngay cho người chức sự biết” (Điều 5, 6). “Ai di cư phải trình với Thôn trưởng nơi trú quán cũ và nơi trú quán mới trước 1 tháng. Thôn trưởng phải tường việc khai di cư ấy cho Chánh Mán Mục và Chánh Quản Chiêu biết” (Điều 29). Từ những quy định này, hương ước đã tham gia phát động trong cộng đồng người Dao ý thức phòng gian, bảo mật, chấp hành nghiêm chỉnh quy định về cư trú, “tạm trú, tạm vắng”; đề ra các biện pháp cần thiết hỗ trợ chính quyền phát hiện và xử lý vi phạm.

Về tuần phòng, hương ước đặt ra quy định về tuần phòng để bảo vệ trật tự trị an trong làng bản, bảo vệ hoa màu ngoài ruộng nương, ngăn chặn các tệ nạn xã hội như trộm cắp. Nếu quá trình “Động trưởng và Thôn trưởng cất đặt việc tuần phòng và tróc nã kẻ gian phi” (Điều 5) được thực hiện nghiêm ngặt và hiệu quả sẽ phát huy được tinh thần tự quản trong các cộng đồng tụ cư của người Dao, có tác dụng phòng gian bảo mật, góp phần làm cho cuộc sống trong các đơn vị cư trú này trở nên có trật tự.

### ***2.5. Nội dung khuôn theo mẫu hương ước cải lương***

Khảo cứu bản hương ước của người Dao ở Bắc Kạn năm 1932, chúng tôi nhận thấy có một số nội dung khuôn theo mẫu hương ước cải lương, hoặc ít nhất cũng thể hiện tinh thần “cải lương”, tinh thần của “hương ước cận đại” rất rõ nét.

*Thứ nhất*, nửa đầu thế kỷ XX, trong cuộc cải lương hương tục, một mẫu hương ước cải lương được áp dụng cho các cộng đồng chiếu theo mà thi hành đã ra đời. Kết cấu và nội dung của những hương ước ra đời theo tinh thần “cải lương” này khá giống nhau. Hương ước của người Dao ở tỉnh Bắc Kạn năm 1932 là một bản hương ước như thế. So sánh với bản hương ước của người Tày, người Nùng ở Bắc Kạn cùng thi hành từ năm 1932 và bản hương ước xã Diệm Dương (là địa bàn trung du của Thái Nguyên) có nhiều điều khoản tương đồng. Các nội dung chế định cụ thể ở mỗi điều khoản cũng khá giống nhau.

*Thứ hai*, nhiều nội dung trong hương ước thể hiện rằng văn bản này ra đời một phần quan trọng là do nhu cầu kiểm soát của chính quyền. Theo đó, 20/56 điều khoản của hương ước có chế định “trình quan đầu hạt duyệt y”, “làm tờ bẩm trình quan Sơ cấp hay quan đồn sở tại”, “quan Thống sứ Bắc Kỳ”,... Những điều khoản không có chế định như thế này thường là các tục lệ liên quan đến đời sống văn hóa tinh thần, cưới xin, tang ma.

*Thứ ba*, văn bản hương ước có chứa những nội dung mới theo tinh thần phủ dụ của quan trên. Việc nhấn mạnh vai trò của sổ thu chi làng xã là một ví dụ điển hình (các Điều 18, 19, 20). Nội dung về sổ thu chi là “nội dung hoàn toàn mới so với hương ước cổ và gần gũi với hương ước được ban hành đồng loạt ở Bắc Kỳ từ năm 1921 trở về sau” (Đình Thị Thùy Hiền, 2012, tr. 107). Cùng với quy định về sổ thu chi, nội dung hương ước còn có nhiều điều chỉnh về mặt hương tục theo hướng giảm bớt phiền phí cho dân. Hương ước quy định: khi thu thuế “không được bày ra cỗ bàn trà tiệc” (Điều 14); khi làm lễ tế Thần Nông “dân có thể mang đồ chín đến cúng,... Cúng xong lễ vật của ai người ấy được mang về, hoặc ăn ngay ở đây cũng được, không ai phải biếu ai cả” (Điều 27); khi có sự tang tế “ăn uống thời tùy gia chủ, dân không bắt buộc chi hết. Sự tiêu dùng về các việc tế lễ không được quá 30 đồng” (Điều 43);... Kể cả lệ khao vọng vốn rất được đề cao trong hương ước trước “cải lương” cũng có sự giản lược, chỉ có Chánh Mán Mục và Chánh Quản Chiếu khi lĩnh bằng phải khao dân, còn Động trưởng và Thôn trưởng thời chỉ hôm công cử phải thết các người đi bầu một bữa thôi” (Điều 47).

Những ví dụ trên đây là minh chứng cho việc hương ước của người Dao ở tỉnh Bắc Kạn năm 1932 thể hiện ý đồ cải lương. Giống như nhiều bản hương ước cùng thời điểm ở các làng xã trung châu, văn bản hương ước theo mẫu “cải lương” của người Dao (Bắc Kạn) muốn tồn tại được đều phải có sự tán thành, ủng hộ của chính quyền bên trên.

### 3. Kết luận

Trong tiến trình cải lương hương tục nửa đầu thế kỷ XX, người Dao ở tỉnh Bắc Kạn cũng soạn thảo ra bản hương ước của mình. Đây là nguồn tư liệu có giá trị để nghiên cứu về hương chính và sinh hoạt văn hóa của các đơn vị tụ cư. Điều này càng có ý nghĩa đối với một địa phương miền núi như Bắc Kạn, vì nguồn tài liệu lưu trữ có giá trị về hương chính khu vực miền núi trước năm 1945 vốn không nhiều.

Cùng với đó, hương ước là một sản phẩm của quá trình thực dân Pháp tác động vào đời sống xã hội Bắc Kỳ. Nên thông qua hương ước có thể ít nhiều hình dung về những can thiệp của chính quyền thực dân tới công việc nội bộ của cộng đồng cơ sở. Vì vậy, nghiên cứu nội dung và hình thức bản hương ước còn góp phần làm sáng tỏ quá trình xâm nhập vào tổ chức hành chính ở vùng miền núi của người Pháp để thực hiện các chủ ý về chính trị, kinh tế và xã hội trong lịch sử.

### Tài liệu tham khảo

1. Cao Văn Biên (1998), “Kho hương ước cải lương hương chính ở Bắc Kỳ”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 3 (298), tr. 73-83.
2. Đình Thị Thùy Hiền (2012), “Bước đầu tìm hiểu hương ước cải lương ở Bắc Kỳ trước năm 1921”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, tr. 104-116.

3. *Hương ước dân Mán tỉnh Bắc Kạn năm 1932*, Kí hiệu HU'01, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. *Hương ước xã Diệm Dương, tổng Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên năm 1942*, Kí hiệu HU'3690, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. *Hương ước làng Bắc Nga, tổng Hoài Viễn, phủ Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn năm 1942*, Kí hiệu HU'3526, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Nguyễn Ngọc Thanh (2014), “Thiết chế bản của người Dao”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 12 (85), tr. 87-94.

7. Lê Đức Tiết (1998), *Về hương ước lệ làng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bắc Kạn (2003), *Các dân tộc ở Bắc Kạn*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.



Người Dao Tiền ở xã Bàn Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn  
may áo nhân dịp năm mới

*Ảnh: Lý Cẩm Tú, chụp năm 2015*